

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HS-PT**

Ngày 17/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên

Ngày 17/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2019/TLPT-HS ngày 30/12/2019 đối với bị cáo Nguyễn Quốc V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Quốc V (C)** - Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1983 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Tổ 5, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ văn hóa: 01/12; giới tính: Nam; Tôn giáo: không ; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc T (*chết*) và bà Nguyễn Thị B (*còn sống*); Có vợ: Nguyễn Thị Phượng H (*đã ly hôn*), có 03 con (*lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2018*);

- Tiền án: Ngày 22/01/2008 bị TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Đã chấp hành xong hình phạt tù, tuy nhiên do chưa nộp 50.000đ tiền án phí HSST nên chưa được xóa án tích; Bản án số 06/2008/HSST ngày 22/01/2008).

- Tiền sự: Ngày 19/6/2019 bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

- Về nhân thân: Ngày 30/3/2005 bị TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo có ông **Trần Tuấn L** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/5/2019, chị Nguyễn Thị T và chồng là anh Nguyễn Đức P đang cùng công nhân thi công gian hàng trưng bày Sâm Ngọc Linh tại Hội chợ triển lãm Đà Nẵng, địa chỉ tại Công viên V, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Khi nhìn thấy Nguyễn Quốc V, chị T hỏi V về vấn đề tiền bạc liên quan đến việc đóng gian hàng trước đó mà chị T bảo V làm, V không đồng ý trả tiền và hai bên xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Sau đó, V bỏ đi rồi rủ thêm C, B (*không rõ nhân thân, lai lịch*) quay lại gian hàng của chị T để gây sự. Đến nơi, V nhặt hai thanh sắt loại hình chữ V dùng để lắp kệ trưng bày gần đó rồi đánh nhiều lần vào người anh Lê Minh T khi T đang phụ giúp anh P làm kệ trưng bày, bị đánh T bỏ chạy đi nơi khác. Thấy vậy, anh P nhặt 01 thanh sắt hình chữ V nhằm mục đích phòng vệ thì bị C, B giữ hai tay của P lại. V dùng hai thanh sắt đánh liên tiếp vào đầu, vai của anh P gây thương tích. Chị T liền chạy đến can ngăn thì bị V dùng thanh sắt đánh vào đầu làm chị T té ngã xuống đất. Sau đó, được mọi người can ngăn nên nhóm của V bỏ đi còn chị T và anh P đến Bệnh viện Đà Nẵng sơ cứu.

* Đối với thương tích của anh Nguyễn Đức P: Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/TgT ngày 10/6/2019 xác định:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 05%.

* Đối với thương tích của chị Nguyễn Thị T: Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 156/TgT ngày 10/6/2019 xác định:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02%.

Ngày 07/5/2019 chị T và ngày 16/6/2019 anh P có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Quốc V.

Ngày 08/5/2019, Lê Minh T có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 125/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc V 18 (*mười tám*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 26/11/2019, bị cáo Nguyễn Quốc V có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già con còn nhỏ, bản thân lao động chính, nên xin được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa Bị cáo Nguyễn Quốc V vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Bản án mà Tòa án cấp sơ xét xử đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc V có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2019/HSST ngày 20/11/2019 của TAND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS là có căn cứ. Tuy nhiên, VKS xét thấy rằng qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án thì: Tại Biên bản nghị án và Bản án gốc các thành viên HĐXX đã thống nhất biểu quyết (*3/3 ý kiến*): Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 01(*một*) năm, 03 (*ba*) tháng tù. Như vậy, có căn cứ để xác định các thành viên HĐXX thống nhất mức hình phạt tù xử phạt đối với bị cáo là 01(*một*) năm, 03 (*ba*) tháng tù, nhưng tại Bản án chính do Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ký phát hành giữ đến bị cáo và các cơ quan có liên quan lại thể hiện Bản án sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo 01(*một*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù (*Tăng mức hình phạt tù 03 (ba) tháng so với biên bản nghị án và Bản án gốc do HĐXX quyết định*) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc “*Nghị án*” và “*Tuyên án*” theo quy định tại các Điều 326, 327 của BLTTHS năm 2015 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 358 BLTTHS hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án về lại cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Luật sư Trần Tuấn L người bào chữa cho bị cáo có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Về hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc V có dùng thanh sắt chữ V đánh gây ra thương tích cho anh Nguyễn Đức P tỷ lệ thương tích 5% và chị Nguyễn Thị T 02%. Ngày 07/5/2019 tại đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án thể hiện người yêu cầu Nguyễn Thị T và Nguyễn Đức P nhưng ở phần cuối đơn người viết yêu cầu chỉ có một mình chị T ký (BL số 61), đến ngày 16/6/2019 anh P có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can (BL số 73). Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình điều, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm người bị hại đã có đơn bãi nại đề nghị quý cơ quan miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo V (BL số 159), nhưng do bị cáo V chậm nộp 50.000đ tiền án phí HSST của Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2008/HSST ngày 22/01/2008 do Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử, nên bị cáo không được đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 BLHS, dẫn đến hậu quả bị cáo V phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS, đây là tình tiết bất lợi cho bị cáo mà lẽ ra vụ án phải được đình chỉ trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố (*chị T, anh P*) có đơn bãi nại, rút yêu cầu khởi tố được quy định tại khoản 2 Điều 155 BLTTHS năm 2015. Việc bị cáo V bị các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo là do lỗi thiếu tinh thần, trách nhiệm trong công tác phối hợp về việc chuyển giao Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê cho Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để chủ động ra quyết định thi hành án theo Luật thi hành án Dân sự. Chứng minh cho lập luận này luật sư dẫn chứng: Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định thi hành án số:187/QĐ-CCTHADS ngày 08/5/2019 trong đó có khoản phải thi hành án “*Thu án phí HSST số tiền 50.000đ*” (BL số 94), nêu lý do cho việc chậm chủ động ra quyết định thi hành án đối với số tiền án phí HSST phải thu nêu trên tại Biên bản làm việc ngày 09/7/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê và Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thể hiện: “*Theo kế hoạch công tác của ngành thi hành án về việc tổng kiểm kê, kiểm đếm vật chứng còn tồn đọng chưa xử lý để phối hợp với Tòa án nhân dân chuyển giao các Bản án, quyết định.....trong số các Bản án tồn đọng nhiều năm không có Bản án thì theo danh sách rà soát có vụ Nguyễn Quốc V, vì vậy, Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê đã ra quyết định thi hành án theo danh sách Bản án tồn đọng*” (BL số 139). Như vậy, tính từ ngày Bản

án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thi hành là hơn 11(mười một) năm Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mới chủ động ra quyết định thi hành án đối với số tiền án phí HSST 50.000đ theo quyết định của Bản án. Mặt khác, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2000/HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 tại mục 11 (*Xóa án tích theo các Điều 64, 65, 66 và 67 BLHS*) như sau: Tại tiểu mục d hướng dẫn đối với các quyết định khác về tài sản trong Bản án hình sự (*như: Tiền bồi thường thiệt hại..., án phí*), tiểu mục d1 đã hết thời hạn tại Điều 21 Pháp lệnh thi hành án dân sự đã quy định cụ thể về thời hiệu thi hành Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cần phân biệt như sau: Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án, nhưng không ra quyết định thi hành án thì: *“Hết thời hạn 01(một) năm kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cũng không chủ động ra quyết định thi hành án theo quy định của pháp lệnh thi hành án dân sự, thì quyết định của Tòa án hết hiệu lực thi hành”*. Như vậy, đối chiếu với nội dung hướng dẫn như đã nêu trên thì trường hợp của bị cáo V là đương nhiên xóa án tích theo quy định của BLHS năm 1999. Với lập luận trên, luật sư cho rằng việc Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không chủ động ra quyết định thi hành án đối với số tiền án phí HSST 50.000đ theo quyết định của Bản án số: 06/2008/HSST ngày 22/01/2008 do Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là nguyên nhân chính gây bất lợi cho bị cáo mà lẽ ra vụ án phải được đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 BLTTHS. Do đó, luật sư đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại tình tiết này cho bị cáo. Ngoài ra, luật sư còn cho rằng tại *“Bản án gốc”* (BL số 171- 173) và *“Biên bản nghị án”* (BL số 174) các thành viên HĐXX ký và biểu quyết 3/3 ý kiến thống nhất về mức hình phạt tù quyết định cho bị cáo V là 01(một) năm, 03 (ba) tháng tù, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án và phát hành Bản án chính giữ đến bị cáo và các cơ quan liên quan mức hình phạt tù quyết định cho bị cáo là 01(một) năm, 06 (sáu) tháng tù là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo. Vì vậy, luật sư có cùng quan điểm với đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa đề nghị HĐXX hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 125/2019/HSST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, giao hồ sơ về lại Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Quốc V khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/5/2019 bị cáo có dùng thanh sắt chữ V đánh gây ra thương tích cho anh Nguyễn Đức P tỷ lệ thương tích 5% và chị Nguyễn Thị T 02%, với hành vi trên bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 BLHS khi người bị hại (*anh P, chị T*) có đơn yêu cầu khởi tố. Tuy nhiên, bị cáo khai nại rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS do bị cáo chậm nộp thi hành án số tiền 50.000đ (*năm mươi ngàn đồng*) án phí HSST đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2008/HSST ngày 22/01/2008 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử nên bị cáo không được đương nhiên được xóa án tích theo Điều 70 BLHS. Nêu lý do cho việc chậm nộp 50.000đ án phí HSST theo quyết định của Bản án là do bị cáo không nhận được bất kỳ một thông báo và quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng lỗi của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố không chủ động ra quyết định thi hành án để thông báo cho bị cáo thi hành án, đây chính là nguyên nhân gây bất lợi cho bị cáo, mặt khác, bị cáo cho rằng Điều 21 Pháp lệnh Thi hành án dân sự quy định thời hiệu thi hành Bản án, quyết định của Tòa án là một 01 (*một*) năm kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành đối với các quyết định khác về tài sản trong Bản án hình sự (*như: Tiền bồi thường thiệt hại..., án phí*) mà Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự không chủ động ra quyết định thi hành án theo quy định của pháp lệnh thi hành án dân sự thì quyết định của Tòa án hết hiệu lực thi hành, trong khi đó bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” vào ngày 22/01/2008 tại Bản án hình sự số: 06/2008/HSST có phần quyết định khác trong Bản án mà bị cáo phải thi hành án là 50.000đ tiền án phí HSST đã có hiệu lực pháp luật thi hành án kể từ tháng 4/2008, nhưng đến tháng 5/2019 Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mới chủ động ra Quyết định thi hành án chủ động đối với khoản thu án phí HSST 50.000đ của bị cáo theo quyết định của Bản án là hơn 11 (*mười một*) năm sau khi bị cáo có hành vi gây thương tích cho bị hại và người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố trong khi đó quyết định của Bản án mà Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử buộc bị cáo nộp 50.000đ án phí HSST đã hết hiệu lực thi hành án theo quy định của pháp lệnh thi hành án. Vì vậy, bị cáo cho rằng trường hợp của bị cáo là đương nhiên được xóa án tích theo quy định của pháp luật, việc bị cáo chậm nộp 50.000đ án phí HSST theo quyết định của Bản án là do lỗi của cơ quan thi hành án, lỗi không thuộc về bị cáo. Do đó, bị cáo cho rằng đây là nguyên nhân dẫn đến hậu quả bị cáo phải bị các cơ quan Công an, VKS và Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về hành vi gây thương tích theo

tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” tại điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS với lý do bị cáo chưa được xóa án tích đối với Bản án số 06/2008/HSST ngày 22/01/2008, trong khi đó tại giai đoạn xét xử sơ thẩm những người bị hại đã có đơn bãi nại, rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo xin HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án cho bị cáo.

[2] Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có dùng một thanh sắt chữ V đánh gây ra thương tích cho anh Nguyễn Đức P tỷ lệ thương tích 5% và chị Nguyễn Thị T 02%, với hành vi đã thực hiện trên, người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc bị cáo bị các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ.

[2.1] Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Biên bản nghị án (*BL số 174*) và Bản án gốc (*BL số 171- 173*) thể hiện các thành viên HĐXX đã thống nhất biểu quyết (*3/3 ý kiến*): Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 01(*một*) năm, 03 (*ba*) tháng tù. Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm có căn cứ để xác định các thành viên HĐXX đã thống nhất mức hình phạt tù xử phạt đối với bị cáo V là 01(*một*) năm, 03 (*ba*) tháng tù, nhưng tại Bản án chính do Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ký phát hành giữ đến bị cáo và các cơ quan có liên quan lại thể hiện Bản án sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo 01(*một*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù (*Tăng mức hình phạt tù 03 (ba) tháng so với biên bản nghị án và Bản án gốc do các thành viên HĐXX biểu quyết thông qua tại phòng nghị án*) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc “*Nghị án*” và “*Tuyên án*” theo quy định tại các Điều 326, 327 của BLTTHS năm 2015 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo mà Tòa án cấp Phúc thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 358 BLTTHS Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về lại cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng và Luật sư người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Xét Bản án bị hủy toàn bộ do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo. Riêng đối với luận cứ bào chữa của luật sư người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, cũng như việc bị cáo khai nại cho rằng mình không thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” với lý do đã được đương nhiên xóa án tích theo quy định của pháp luật và vấn đề chậm nộp số tiền án HSST 50.000đ theo quyết định của Bản án số 06/2008/HSST ngày 22/01/2008 là do lỗi của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không chủ động ra quyết định thi hành án chủ động để thông báo

cho bị cáo nộp. Những nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử lại vụ án cần phải điều tra, xác minh làm rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trước khi xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Hủy Toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2019/HSST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lại vụ án với thành phần HĐXX mới theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Quốc V không phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA TP Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyển